

Số: 77 /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng
hạng mục công trình Nhà Giáo dục môi trường thuộc dự án
Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn Ngân sách Trung ương năm 2020;



h

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1393/TTr-SXD ngày 14/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng hạng mục công trình với những nội dung chính như sau:

1. Tên hạng mục công trình: Nhà Giáo dục môi trường.
 - Thuộc dự án: Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016 - 2020.
 - Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình.
3. Tổ chức tư vấn thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Thịnh.
4. Chủ nhiệm thiết kế: Ông Cao Văn Vinh.
5. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

a) Xây dựng Nhà giáo dục môi trường: Công trình cấp III - 02 tầng có tổng diện tích 482,78m². Kết cấu: hệ khung móng, trụ, dầm, sàn, sàn mái, cầu thang và sê nô BTCT đá 1x2 M250; tường xây gạch ống không nung, các kết cấu phức tạp xây gạch thẻ không nung; nền các phòng lát gạch ceramic KT600x600, bậc cấp lát đá granite, nền khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn KT300x300; tường khu vệ sinh ốp gạch ceramic KT300x600 cao 2,1m; cầu thang có tay vịn bằng gỗ nhóm 2, lan can kính cường lực dày 10ly, bậc thang lát đá granite; toàn bộ cửa đi, cửa sổ dùng cửa kính khung gỗ nhóm 3 và kính cường lực dày 8ly kết hợp khung bảo vệ bằng inox; kết cấu đỡ mái bằng khung thép hộp kết hợp mái lợp ngói loại 10viên/1m²; hệ găng đà trần thép hộp và đóng trần thạch cao khung nhôm chìm; toàn bộ hạng mục sơn màu 03 nước có bả matit; thiết kế hạng mục hầm tự hoại, hệ thống điện trong nhà, mạng Lan, điều hòa không khí, cấp thoát nước, chống sét và hệ thống PCCC đầy đủ.

b) Xây dựng Nhà bảo vệ: Công trình cấp IV - 01 tầng có diện tích 21,84m². Kết cấu: hệ khung móng, trụ, dầm, sàn mái và sê nô BTCT đá 1x2 M200; tường xây gạch ống không nung, các kết cấu phức tạp xây gạch thẻ không nung; nền phòng, bậc cấp lát gạch ceramic KT600x600; toàn bộ cửa đi, cửa sổ dùng cửa kính khung nhôm xingfa và kính cường lực dày 8ly kết hợp khung sắt bảo vệ; toàn bộ hạng mục sơn màu 03 nước có bả matit; thiết kế hệ thống điện trong nhà, thoát nước mái đầy đủ.

b) Xây dựng Nhà xe: Công trình cấp IV - 01 tầng có diện tích 29,52m². Kết cấu: Trụ đỡ chính bằng thép ống D200 dày 7,5ly liên kết với móng trụ BTCT đá 1x2 M200 bằng bảng mã; kết cấu đỡ mái bằng khung thép hộp kết hợp mái lợp tấm chuyên dụng chống nóng; nền bê tông đá 1x2 M150 dày 70; các cấu kiện sắt thép sơn dầu 03 nước.

h₂

c) Cổng, tường rào loại 01 có chiều dài 58,8m với kết cấu: Móng trụ cổng, trụ tường rào BTCT đá 1x2 M200; cổng chính sử dụng loại cổng xếp inox tự động, cổng phụ 01 cánh mở bằng khung inox; tường rào xây gạch và được trang trí bằng gạch chuyên dụng kết hợp gắn các lam hình thoi; toàn bộ hạng mục sơn màu 03 nước có bả matit.

- Tường rào loại 02 có tổng chiều dài 55,5m với kết cấu: Móng trụ cổng, trụ tường rào BTCT đá 1x2 M200; tường rào phía dưới xây gạch kết hợp gắn các lam đứng, phía trên gắn chông sắt bảo vệ; toàn bộ hạng mục sơn màu 03 nước có bả matit.

d) Sân bê tông có tổng diện tích 382,3m² với cấu tạo từ trên xuống như sau: Lớp gạch terrazo KT300x300x35, lớp vữa xi măng lát gạch M75 dày 15, lớp bê tông đá 1x2 M150 dày 150 và lớp đất tự nhiên dọn sạch.

6. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng:

- Quy chuẩn XDVN tập I được ban hành theo Quyết định số 682/BXD-CXD ngày 14/12/1996;

- Quy chuẩn XDVN tập II được ban hành theo Quyết định số 493/BXD-CXD ngày 25/09/1997 của Bộ Xây dựng;

- QCVN 10:2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng;

- QCVN QTĐ-5:2009/BCT, QTĐ-6:2009/BCT, QTĐ-7:2009/BCT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về kỹ thuật điện;

- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản thiết kế;

- TCVN 2737-1995: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- TCVN 5574-2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9343-2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn công tác bảo trì;

- TCVN 5575-2012: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5687-2010: Thông gió, điều hòa không khí - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;

- TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9207-2012: Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 3890-2009: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;

- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9404:2012: Sơn Xây dựng - Phân loại;
- TCVN 9377:2012: Công tác hoàn thiện trong xây dựng;
- TCXDVN 33-2006: Cấp nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Các quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn ngành khác có liên quan.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Phước Bình, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

8. Tổng dự toán xây dựng công trình: **9.318.827.388 đồng**, trong đó:

Chi phí xây dựng:	7.357.640.061 đồng;
Chi phí quản lý dự án:	325.994.958 đồng;
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	804.720.169 đồng;
Chi phí khác:	420.168.143 đồng;
Chi phí dự phòng:	410.304.057 đồng.

(Kèm theo bảng tổng hợp kinh phí do Sở Xây dựng thẩm định và xác lập tại Văn bản số 1392/SXD-QLHDXD&HTKT ngày 14/5/2020).

9. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Ngân sách Trung ương năm 2020 (theo Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Chủ đầu tư (Ban Quản lý Vườn quốc gia Phước Bình) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng nội dung được duyệt tại Điều 1 của Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bác Ái; Giám đốc Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

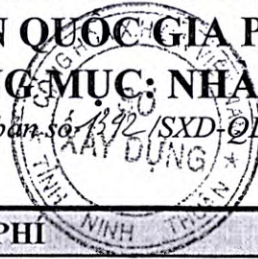
- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh Trần Quốc Nam;
- Chủ đầu tư (03 bản);
- VPUB: LD, KTTH;
- Lưu: VT. MT



Lưu Xuân Vĩnh

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN THẨM TRA
DỰ ÁN: VƯỜN QUỐC GIA PHƯỚC BÌNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020.
HẠNG MỤC: NHÀ GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG.

(Đính kèm theo Văn bản số 1372/SXD-QLHDXD&HTKT ngày 14/10/2020 của Sở Xây dựng)



STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	HỆ SỐ (Ki)	THÀNH TIỀN
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG TRƯỚC THUẾ	G=G1+...+G4		6.688.763.692
1	Nhà giáo dục môi trường	Bảng dự toán		6.101.022.221
2	Nhà bảo vệ	Bảng dự toán		125.142.295
3	Nhà xe 2 bánh	Bảng dự toán		67.685.654
4	Công, tường rào	Bảng dự toán		394.913.522
	THUẾ GTGT	GTGT=G x 10%		668.876.369
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG SAU THUẾ	G_{XD}=G + GTGT		7.357.640.061
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	G_{QLDA}=G x Ki x 1,35 x 1,1	3,282%	325.994.958
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN	G_{TV}= TV1+...+TV10		804.720.169
1	Chi phí khảo sát địa hình	TV1=(bảng tính)		11.719.297
2	Chi phí khảo sát địa chất	TV2=(bảng tính)		49.742.710
3	Chi phí giám sát khảo sát địa hình, địa chất	TV3=(TV1 + TV2) x Ki	4,072%	2.502.733
4	Chi phí lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán	TV4=G x Ki x 1,1	2,920%	214.843.090
5	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	TV5=G x Ki x 1,1	0,258%	18.982.711
6	Chi phí thẩm tra dự toán	TV6=G x Ki x 1,1	0,250%	18.394.100
7	Chi phí lập HSMT và PTĐG HSDT thi công xây lắp	TV7= G x Ki x 1,1	0,432%	31.785.005
8	Chi phí giám sát thi công xây dựng	TV8=G x Ki x 1,2 x 1,1	3,285%	290.038.171
9	Chi phí thí nghiệm, kiểm định chất lượng vật liệu của CĐT	TV9= TV8 x Ki	35,000%	101.513.360
10	Chi phí giám sát đánh giá đầu tư của CĐT	TV10= G _{QLDA} x Ki	20,00%	65.198.992
V	CHI PHÍ KHÁC	G_K=K1+...+K9		420.168.143
1	Phí thẩm định Thiết kế BVTC	K1=G x Ki	0,0495%	3.310.938
2	Phí thẩm định dự toán	K2=G x Ki	0,0480%	3.210.607
3	Chi phí thẩm định HSMT và KQLC nhà thầu thi công xây lắp	K3=G _{XD} x Ki	0,100%	7.357.640
5	Chi phí bảo hiểm công trình	K4=G x Ki x 1,1	0,120%	8.829.168

6	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	$K5 = TM\Delta T \times K_i \times 50\%$	0,415%	19.334.850
7	Chi phí kiểm toán	$K6 = TM\Delta T \times K_i \times 1,1$	0,688%	70.518.624
9	Chi phí kiểm tra nghiệm thu trong thi công và khi hoàn thành công trình.	$K7 = (\text{bảng tính})$		50.088.914
10	Chi phí hạng Mục chung:			
10.1	Chi phí xây dựng lán trại thi công	$K8 = G \times K_i \times 1,1$	1,00%	73.576.401
10.2	Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế	$K9 = G \times K_i \times 1,1$	2,50%	183.941.002
VI	TỔNG CỘNG	$TZ = G_{XD} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K$		8.908.523.331
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	$DP = TDT - TZ$		410.304.057
	TỔNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	TDT		9.318.827.388

NGƯỜI TỔNG HỢP


Bùi Kế Tường